

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng số 66/2006/QH11 ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 61/2014/QH13 ngày 21/11/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch xây dựng đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay và Thông tư số 16/2010/TT-BGTVT ngày 30/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 08/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-BGTVT ngày 03/01/2006 của Bộ GTVT về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Vinh, tỉnh Nghệ An - giai đoạn đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 và Quyết định số 2404/QĐ-BGTVT ngày 24/10/2011 của Bộ GTVT về việc điều chỉnh một số hạng mục công trình trong quy hoạch tổng thể Cảng hàng không Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-BCT ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 270/QĐ-TTg ngày 31/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;



Căn cứ Quyết định số 4560/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải thành lập Hội đồng thẩm định điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế;

Căn cứ Công văn số 101/TTg-KTN ngày 20/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030;

Xét kết quả thẩm định hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế của Hội đồng thẩm định tại Biên bản hội nghị thẩm định ngày 18/12/2014;

Trên cơ sở ý kiến của các Bộ ngành liên quan: Bộ Quốc phòng tại văn bản số 8587/BQP-TM ngày 13/10/2014; Bộ Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 4005/BTNMT-KH ngày 18/9/2014; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 6953/BNN-KH ngày 27/8/2014; Bộ Kế hoạch và đầu tư tại văn bản số 5706/BKHĐT-KCHTĐT ngày 28/8/2014; Bộ Xây dựng tại văn bản số 2240/BXD-QHKT ngày 15/9/2014; Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tại văn bản số 6611/UBND-GT ngày 11/9/2014;

Xét hồ sơ và Tờ trình số 2766/TT-CHK ngày 31/7/2014 của Cục Hàng không Việt Nam về việc xin phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030; văn bản số 4965/CHK-QLC ngày 08/12/2014 và văn bản số 06/CHK-QLC ngày 05/01/2015 của Cục Hàng không Việt Nam về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định, các Bộ, ngành;

Thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 133/TTg-KTN ngày 28/01/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn đến năm 2030 và định hướng sau năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. **Tên đề án:** Quy hoạch điều chỉnh Cảng hàng không Vinh thành cảng hàng không quốc tế giai đoạn năm đến 2030 và định hướng sau năm 2030.

2. **Địa điểm:** Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. **Nội dung quy hoạch điều chỉnh:**

a) Cấp sân bay: 4E (theo mã tiêu chuẩn của Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO)) và sân bay quân sự cấp I (sân bay dùng chung giữa hàng không dân dụng và quân sự).

b) Vai trò, chức năng trong mạng cảng hàng không dân dụng toàn quốc: Là cảng hàng không quốc tế; đóng vai trò kết nối đường hàng không vùng Bắc Trung Bộ và tỉnh Nghệ An với các địa phương trong cả nước và các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á.

c) Mục tiêu quy hoạch:

- Giai đoạn đến năm 2020:

- + Công suất: 2,5 triệu hành khách/năm;
- + Tổng số vị trí đỗ máy bay: 9 vị trí đỗ;
- + Loại máy bay khai thác: A321 và tương đương;
- + Phương thức tiếp cận hạ cánh: Tiếp cận chính xác.

- Giai đoạn đến năm 2030:

- + Công suất: 7 triệu hành khách/năm;
- + Tổng số vị trí đỗ máy bay: 15 vị trí đỗ;
- + Loại máy bay khai thác: B747/777/787, A350, A320/321 và tương đương;
- + Phương thức tiếp cận hạ cánh: Đạt tiêu chuẩn CAT I.

- Giai đoạn định hướng sau năm 2030:

- + Công suất: 10 triệu hành khách/năm;
- + Tổng số vị trí đỗ: 29 vị trí đỗ;
- + Loại máy bay khai thác: B747/777/787, A350, A320/321 và tương đương;
- + Phương thức tiếp cận hạ cánh: Đạt tiêu chuẩn CAT I.

d) Quy hoạch khu bay:

- Hệ thống đường cất hạ cánh (CHC):

+ Giai đoạn đến năm 2020: Giữ nguyên đường CHC hiện hữu, duy trì năng lực và tiêu chuẩn khai thác;

+ Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng đường CHC số 2 có kích thước 3000 m x 45 m, lề đường CHC hai bên rộng 7,5 m, đảm bảo khai thác các loại tàu bay code E như B747/777/787, A350 và tương đương;

+ Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Duy tu, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo năng lực khai thác.

- Hệ thống đường lăn:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Giữ nguyên hệ thống đường lăn hiện hữu, sửa chữa để duy trì năng lực và tiêu chuẩn khai thác;

+ Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng đường lăn song song đồng bộ với đường CHC số 2, khoảng cách giữa trục tim đường CHC và đường lăn song song là 182,5 m nhằm đảm bảo khai thác các loại tàu bay code E như B747/777/787,



A350. Chiều rộng đường lăn 23 m, lề đường lăn hai bên rộng 10,5 m. Xây dựng thêm 04 đường lăn vuông góc, 01 đường lăn thoát nhanh;

+ Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Xây dựng thêm 02 đường lăn vuông góc và 01 đường lăn thoát nhanh.

d) Hệ thống sân đỗ tàu bay:

- Giai đoạn đến năm 2020: Mở rộng sân đỗ tàu bay đạt 9 vị trí đỗ, đảm bảo khai thác cho các loại tàu bay code E, D, C. Kết cấu sân đỗ bằng bê tông xi măng (BTXM), lề vật liệu sân đỗ bằng bê tông nhựa (BTN), bề rộng 10,5 m;

- Giai đoạn đến năm 2030: Mở rộng sân đỗ tàu bay đạt 15 vị trí đỗ, đảm bảo khai thác cho các loại tàu bay code E, D, C. Kết cấu sân đỗ bằng BTXM, lề vật liệu sân đỗ bằng BTN, bề rộng 10,5 m;

- Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Mở rộng sân đỗ tàu bay đảm bảo 29 vị trí đỗ cho các loại tàu bay code E, D, C.

e) Quy hoạch khu hàng không dân dụng (HKDD):

Phát triển các công trình HKDD phù hợp với nhu cầu quản lý, khai thác với quy mô và diện tích được định hướng như sau:

- Nhà ga hành khách:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Sử dụng hệ thống nhà ga hiện hữu, công suất 2,5 triệu hành khách/năm (gồm nhà ga hiện hữu công suất 0,5 triệu hành khách/năm và nhà ga mới được xây dựng với công suất 2 triệu hành khách/năm), sử dụng chung nội địa và quốc tế;

+ Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng nhà ga hành khách mới số 2 với công suất khoảng 5 triệu hành khách/năm. Nhà ga 02 cao trình, sử dụng chung nội địa và quốc tế, đưa tổng công suất các nhà ga tương đương khoảng 7 triệu hành khách/năm;

+ Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Nghiên cứu mở rộng nhà ga hành khách số 2 đạt công suất 8 triệu hành khách/năm. Tổng công suất các nhà ga tương đương khoảng 10 triệu hành khách/năm.

- Nhà ga hàng hoá:

+ Giai đoạn đến năm 2020: Không đầu tư xây dựng nhà ga hàng hóa riêng biệt, sử dụng chung với nhà ga hành khách;

+ Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo nhà ga hành khách hiện hữu (công suất 0,5 triệu hành khách/năm) thành nhà ga hàng hoá với diện tích khoảng 2.500 m<sup>2</sup>, công suất khoảng 22.000 tấn hàng hóa/năm;

+ Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Nghiên cứu mở rộng nhà ga hàng hóa với diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>, công suất khoảng 62.000 tấn hàng hóa/năm.

- Khu hành chính:
  - + Nhà điều hành Cảng hàng không: được quy hoạch trên khu đất khoảng 4.500 m<sup>2</sup>;
  - + Nhà làm việc công an, công an cửa khẩu, cảng vụ hàng không, hải quan, kiểm dịch y tế: được quy hoạch trên khu đất khoảng 20.000 m<sup>2</sup>;
  - + Văn phòng đại diện các hãng hàng không: được quy hoạch trên khu đất khoảng 5.000 m<sup>2</sup>;
- Khu thương mại dịch vụ: được quy hoạch trên khu đất khoảng 10.000 m<sup>2</sup>.
- Khu cấp nhiên liệu:
  - + Giai đoạn đến năm 2020: Giữ nguyên khu cấp nhiên liệu hiện hữu, công suất 1.000 m<sup>3</sup>;
  - + Giai đoạn đến năm 2030: Xây dựng khu cấp nhiên liệu với tổng công suất kho chứa nhiên liệu đạt khoảng 3.000 m<sup>3</sup>. Phương thức nhập nhiên liệu là dùng xe chuyên chở hoặc đường ống tra nạp ngầm;
  - + Giai đoạn định hướng sau năm 2030: Mở rộng khu cấp nhiên liệu theo nhu cầu, xây mới kho chứa nhiên liệu đạt khoảng 7.000 m<sup>3</sup>.
- Trung tâm khẩn nguy cứu hỏa: Xây dựng 02 trạm khẩn nguy cứu hỏa và đầu tư xe cứu hỏa đạt CAT 9 theo quy định của ICAO: 01 trạm bố trí cùng khu trạm kỹ thuật ngoại trường; 01 trạm bố trí ở phía đầu 02 đường CHC số 2.
- Khu dự trữ phát triển các công trình phụ trợ:
  - + Khu kỹ thuật máy bay (hangar): Giai đoạn đến năm 2020, chưa xây dựng hangar; Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng khu kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng đáp ứng 02 tàu bay code E hoặc tương đương, xây dựng sân đỗ trước hangar đảm bảo 3 - 4 vị trí đỗ tàu bay; Giai đoạn định hướng sau 2030, xây dựng mở rộng khu kỹ thuật, sửa chữa bảo dưỡng đáp ứng 03 tàu bay code E hoặc tương đương.
  - + Khu tập kết trang thiết bị mặt đất: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng tại khu đất có diện tích 7.000 m<sup>2</sup>; Giai đoạn định hướng sau 2030, mở rộng theo nhu cầu khai thác.
  - + Khu kiểm định trang thiết bị mặt đất: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng tại khu đất có diện tích khoảng 7.000 m<sup>2</sup>; Giai đoạn định hướng sau năm 2030, mở rộng theo nhu cầu khai thác.
  - + Nhà xe ngoại trường: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng nhà xe ngoại trường và sân đỗ trước nhà xe với diện tích khoảng 2.000 m<sup>2</sup>; Giai đoạn định hướng sau năm 2030, xây dựng mở rộng theo nhu cầu khai thác đạt diện tích khoảng 7.000 m<sup>2</sup>.
  - + Khu chế biến suất ăn: Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng khu chế biến suất ăn với diện tích khoảng 4.000 m<sup>2</sup>; Giai đoạn định hướng sau năm 2030, mở rộng theo nhu cầu khai thác.
- g) Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt khu bay bằng các mương hở và cống ngầm kết nối với hệ thống thoát nước chung của thành phố

Vinh tại khu vực phía Bắc. Thoát nước khu HKDD qua hệ thống thoát nước chung đường trục vào cảng hàng không theo quy hoạch thành phố Vinh.

h) Hệ thống thoát nước thải và xử lý chất thải: Nước thải sinh hoạt được xử lý qua các hố ga và thoát qua hệ thống thoát nước mặt. Nước thải, chất thải công nghiệp được xử lý tại khu xử lý chất thải. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng khu xử lý chất thải trên khu đất có diện tích khoảng 12.000 m<sup>2</sup>.

i) Hệ thống cấp nước: Nguồn nước lấy từ hệ thống cấp nước sạch thành phố Vinh dẫn đến bể ngầm và trạm cấp nước. Giai đoạn đến năm 2030, xây dựng hệ thống bể chứa đạt công suất khoảng 1.000 m<sup>3</sup>; giai đoạn định hướng sau năm 2030, xây dựng hệ thống bể chứa đạt công suất khoảng 2.000 m<sup>3</sup>.

k) Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện từ đường dây 22KV của thành phố Vinh qua các trạm biến áp và hệ thống các máy phát điện dự phòng của từng phân khu chức năng.

l) Quy hoạch các công trình quản lý bay:

- Đài kiểm soát không lưu: Giai đoạn đến năm 2020, giữ nguyên đài kiểm soát không lưu hiện hữu, đầu tư trang thiết bị đảm bảo khai thác; Giai đoạn đến năm 2030, đầu tư cải tạo và xây mới trung tâm điều hành chỉ huy bay, trung tâm hiệp đồng tìm kiếm cứu nạn. Chiều cao công trình không vượt quá 45 m so với cốt cao độ điểm quy chiếu đường CHC, đầu tư trang thiết bị đảm bảo khai thác; giai đoạn định hướng sau năm 2030, sửa chữa, cải tạo và đầu tư trang thiết bị đảm bảo khai thác. Trong phạm vi diện tích khu đất khoảng 6.000 m<sup>2</sup>;

- Đài DVOR/DME: Nghiên cứu đầu tư xây dựng khi có nhu cầu trong giai đoạn đến năm 2020. Giai đoạn sau năm 2020, nghiên cứu áp dụng phương thức dẫn đường PBN theo tiến độ của chương trình CNS/ATM toàn quốc;

- Trạm Radar thứ cấp và trạm VHF tầm xa: Quy hoạch giữ nguyên vị trí hiện trạng, quy hoạch khu đất có kích thước 210 m x 70 m để đảm bảo bố trí các thiết bị dẫn đường, quản lý bay;

- Đèn hiệu hàng không: Đầu tư xây dựng mới hệ thống đèn tiếp cận đạt tiêu chuẩn CAT I khi xây dựng đường CHC số 2;

- Hệ thống thiết bị hạ cánh ILS: Đầu tư xây dựng mới hệ thống thiết bị phụ trợ hạ cánh ILS đồng bộ với việc đầu tư xây dựng đường CHC số 2;

- Hệ thống quan trắc khí tượng tự động: Được đầu tư đồng bộ trong giai đoạn đến năm 2030.

m) Quy hoạch giao thông và các công trình khác:

- Sử dụng tuyến đường trục hiện hữu đã được đầu tư xây dựng và đã được đưa vào khai thác sử dụng từ đầu năm 2004 với 02 luồng chính có bề rộng mỗi luồng 10,5 m đủ để phân 3 làn xe với bề rộng mỗi làn 3,5 m, 02 luồng phụ có bề rộng mỗi luồng 7 m đủ để bố trí 2 làn xe với bề rộng mỗi làn 3,5 m;

- Đường trục vào Nhà ga hành khách xây mới nối tiếp từ đường trục đã xây dựng: Phân chia thành 2 luồng xe ra vào, mỗi luồng 10,5 m đủ để phân 3 làn xe với bề rộng mỗi làn 3,5 m, dải phân cách giữa rộng 18 m để dự trữ mở rộng đường trục, hai bên bố trí vỉa hè và hệ thống thoát nước rộng 5 m trong giai đoạn đến năm 2030;

- Đường nội bộ: Đường có bề rộng mặt đường trung bình từ 7,5 m đến 10,5 m tùy từng tuyến đường;

- Đường công vụ: Xây dựng đường công vụ quanh Cảng hàng không với bề rộng mặt đường 3,5 m trong giai đoạn đến năm 2030;

- Tường rào: Xây dựng tường rào bảo vệ quanh Cảng hàng không với tổng chiều dài khoảng 14.000 m trong giai đoạn đến năm 2030.

n) Quy hoạch sử dụng đất:

Tổng nhu cầu sử dụng đất của Cảng hàng không: 602,53 ha (Đất theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 06/QĐ-BGTVT ngày 03/01/2006 là 445,01 ha; Đất bổ sung theo quy hoạch điều chỉnh là 157,52 ha), trong đó:

- Đất của HKDD quản lý khoảng : 75,22 ha;
- Đất do quân sự quản lý khoảng : 238,70 ha;
- Đất dùng chung do dân dụng quản lý khoảng : 288,61 ha.

## **Điều 2.**

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Giao Cục Hàng không Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Đầu tư, Tài chính, Khoa học - Công nghệ, Môi trường, Kết cấu hạ tầng giao thông, Vận tải, An toàn giao thông; Cục trưởng các Cục: Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- VP BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- Văn phòng TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Công báo;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các Bộ: QP, KH&ĐT, XD, TC, NN&PTNT, TN&MT;
- Các Thứ trưởng;
- Cục Hàng không Việt Nam;
- Các TCT: HKVN, Cảng HKVN, Quản lý bay VN;
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu VT, Vụ KHĐT (07).



**Đinh La Thăng**